

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Tên học phần : Bệnh thú hoang dã (Wild Animal Diseases)

- Mã số học phần : NN335

- Số tín chỉ học phần : 2 tín chỉ

- Số tiết học phần : 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành, ... tiết thực tế, ... tiết đồ án, ... tiết niên luận, ... tiết tiểu luận tốt nghiệp, ... tiết luận văn tốt nghiệp, ... tiết... và ... tiết tự học.

### 2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Bộ môn : Thú Y

- Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Nông nghiệp và Sinh Học Ứng Dụng

3. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học các môn cơ sở và các môn NN110, NN303, NN112, NN343, NN111

### 4. Mục tiêu của học phần:

#### 4.1. Kiến thức:

- Học được cách phân loại các loài thú hoang dã.

- Học được cách phòng và trị bệnh ở thú ăn thịt

- Học được cách phòng và trị bệnh ở một số loài linh trưởng.

- Học được cách phòng ngừa bệnh và điều trị hậu quả mang lại thiết thực trong chăn nuôi động vật hoang dã.

#### Kỹ năng:

4.2.1. Sinh viên nắm được cách phân loại thú hoang dã, và cách chẩn đoán cũng như điều trị bệnh.

4.2.2. Kỹ năng thực hành.

4.2.3. Giúp sinh viên rèn luyện được tư duy trong việc tổng hợp thông tin.

4.2.4. Rèn luyện khả năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

4.2.5. Các thuyết trình trước đám đông.

#### 4.3. Thái độ:

4.3.1. Ý thức được vai trò của động vật hoang dã

4.3.2. Tôn trọng phúc lợi động vật.

### 5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học về các bệnh trên động vật hoang dã, cách chăm sóc, bảo vệ chúng.

### 6. Cấu trúc nội dung học phần:

#### 6.1. Lý thuyết

| Nội dung   | Tiết – buổi |
|--|-------------|
| Chương 1: Đại cương về phòng và trị bệnh ở thú ăn thịt (bao gồm họ mèo, họ gấu, họ chồn) | 4t          |
| Chương 2: Đại cương về phòng và trị bệnh một số loài linh trưởng(khỉ, vượn)              | 4t          |
| Chương 3: Đại cương về phòng và trị bệnh ở hươu nai                                      | 4t          |
| Chương 4: Đại cương về phòng và trị bệnh chim hoang dã.                                  | 4t          |
| Chương 5: Đại cương về phòng và trị bệnh thuộc lớp bò sát (bộ cá sấu)                    | 4t          |

## 6.2. Thực hành

### 7. Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: 40%, tình huống 30%, bài tập báo cáo chuyên đề: 30%

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

#### 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

| TT | Điểm thành phần | Quy định                        | Trọng số | Mục tiêu                          |
|----|-----------------|---------------------------------|----------|-----------------------------------|
| 1  | Điểm bài tập    | -Bài tập tình huống             | 20%      | 4.1.1, 4.1.2, 4.1.3, 4.2.1, 4.2.2 |
| 2  | Điểm thực hành  | - Báo cáo chuyên đề (chia nhóm) | 30%      | 4.2.4, 4.2.5, 4.2.3               |
| 3  | Điểm lý thuyết  |                                 | 50%      | 4.1.1, 4.1.2, 4.1.3               |

#### 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

### 10. Tài liệu học tập:

Võ Đình Sơn (2007).Giáo trình bệnh thú hoang dã, Tủ sách Thảo cầm viên.

**11. Hướng dẫn sinh viên tự học:**

Cần Thơ, ngày ... tháng ... năm 2014

**TL. HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TRƯỞNG KHOA**